

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PL
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2022/DS - ST

Ngày: 19/8/2022

V/v Tranh chấp nợ hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PL

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Thanh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Chiêu

2. Bà Nguyễn Hồng Lành

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL: Bà Lý Thị Nhiên - Kiểm sát
viên

Trong các ngày 18 và ngày 19 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PL xét xử công khai vụ án thụ lý số 98/2022/TLST - DS ngày 07 tháng 6 năm 2022 về việc “*Tranh chấp nợ hụi*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 217/2022/QDST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn H, sinh năm 1969; Địa chỉ: Ấp Phước Thành, xã Phước Long, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị T, sinh năm 1961; địa chỉ: Ấp Phước Ninh, xã Phước Long, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu

(Ông H, bà T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trần Văn H trình bày:

Trước đây bà T làm chủ hụi, ông H là hụi viên có tham gia chơi các dây hụi như sau:

+ Dây hụi thứ nhất: Dây hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 25/01/2019 (âm lịch), gồm có 30 chung, ông H tham gia chơi 02 chung. 02 chung hụi trên ông H là người hốt chót được 56.000.000 đồng (hụi mãn), trừ tiền cò cho bà T 1.000.000 đồng, còn lại là 55.000.000 đồng.

+ Dây hội thứ hai: Dây hội 1.000.000 đồng, khai ngày 15/3/2019 (âm lịch), gồm có 32 chung, ông H tham gia chơi 02 chung. Mỗi tháng khai 01 lần vào ngày 15 hàng tháng.

Dây hội trên đến kỳ khai hội lần thứ 29 thì bể hội, ông H đã đóng được 28 kỳ hội sống, mỗi kỳ 02 chung nên bà T còn nợ lại ông H số tiền hội của dây hội trên 56.000.000 đồng, trừ tiền còn 1.000.000 đồng cho bà T nên bà T còn nợ lại ông H số tiền là 55.000.000 đồng.

Tổng cộng, bà T còn nợ lại ông H số tiền hội là 110.000.000 đồng. Tuy nhiên trước đây bà T có đưa ông H tiền vay dư ra 600.000 đồng nên cần trừ số tiền trên, bà T còn nợ lại ông H số tiền 109.400.000 đồng.

Do đó, ông H khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị T có trách nhiệm trả lại cho ông H số tiền nợ hội còn thiếu là 109.400.000 đồng. Ông H không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền trên.

Bị đơn bà Trần Thị T trình bày:

Đối với dây hội thứ nhất, hội khai ngày 15/01/2019 (âm lịch) bà T thừa nhận còn thiếu số tiền nợ hội như ông H đã yêu cầu là 55.000.000 đồng và đồng ý trả cho ông H số tiền trên.

Đối với dây hội thứ hai, hội khai ngày 15/3/2019 (âm lịch) bà T thống nhất với lời trình bày của ông H về số chung hội, thời gian khai và ngày hội bị đình (bể hội). Tuy nhiên bà T không thống nhất số tiền ông H yêu cầu bà T phải trả, bà T chỉ đồng ý trả lại ông H số tiền ông H đã thực tế đóng cho bà T là 33.760.000 đồng.

Tổng cộng số tiền hội bà T thống nhất còn nợ tiền hội ông H là 87.760.000 đồng và bà T đã trả được cho ông H 600.000 đồng.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL phát biểu ý kiến:***

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đối với nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H. Buộc bà Trần Thị T trả cho ông H số tiền nợ hội 87.760.000 đồng. Bác yêu cầu đòi số tiền 21.640.000 đồng của ông H đối với bà T.

Về án phí: Bà T là người cao tuổi được miễn toàn bộ; ông H phải chịu đối với yêu cầu không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền, thủ tục tố tụng : Ông Trần Văn H khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị T có trách nhiệm trả tiền hội; bà T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại

huyện PL nên căn cứ vào khoản 6 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện PL thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn ông Trần Văn H khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị T có trách nhiệm trả nợ tiền hội cho ông H số tiền nợ 109.400.000 đồng và không tính lãi suất theo quy định của pháp luật. Bà T không thống nhất số tiền trên, thừa nhận chỉ nợ ông H số tiền hội là 88.360.000 đồng.

[3] Xét lời trình bày của ông H và bà T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Đối với dây hội thứ nhất, hội khai ngày 15/01/2019 (âm lịch) bà T và ông H cùng thống nhất bà T còn thiếu ông H số tiền nợ hội 55.000.000 đồng và bà T đồng ý trả cho ông H số tiền trên. Sự thừa nhận của ông H, bà T là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Buộc bà T trả ông H số tiền nợ hội 55.000.000 đồng ở dây hội trên.

[3.2] Đối với dây hội thứ hai, hội khai ngày 15/3/2019 (âm lịch) bà T và ông H cùng thống nhất về số chung hội, thời gian khai và ngày hội bị đình (bể hội). Sự thừa nhận của ông H, bà T là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên về số tiền thì ông H yêu cầu bà T có trách nhiệm trả là 55.000.000 đồng dựa trên số tiền hót hội (hội sống) của 28 kỳ khai. Bà T không thống nhất với số tiền trên, chỉ đồng ý trả cho ông H số tiền thực tế ông H đã đóng là 33.360.000 đồng, bà T có cung cấp bản theo dõi hội. Ông H xác định số tiền thực tế đã đóng là 39.200.000 đồng, số tiền trên ông H tự nhằm tính trung bình mỗi tháng là 1.400.000 đồng chứ không có ghi chép sổ sách để theo dõi. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào bản theo dõi hội do bà T cung cấp tại Tòa có cơ sở xác định số tiền thực tế dây hội trên ông H đã đóng là 33.360.000 đồng.

Từ các nhận định trên, tổng cộng số tiền nợ hội bà T còn thiếu ông H là 88.360.000 đồng. Bà Tuyết đã trả cho ông H số tiền 600.000 đồng. Do đó bà Tuyết có nghĩa vụ trả cho ông H tổng số tiền của hai dây hội trên là 87.760.000 đồng.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án là đúng, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về án phí dân sự có giá ngạch trong vụ án: Bà Trần Thị T có đơn xin miễn án phí, lý do là người cao tuổi. Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH bà T được miễn toàn bộ án phí. Ông Trần Văn H phải chịu án phí trên số tiền không được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 357, 468 và Điều 471 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hộ, hui, biu, phurong

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H đối với bà Trần Thị T yêu cầu ông H trả số tiền nợ hui.

2/. Buộc bà Trần Thị T có trách nhiệm trả cho ông Trần Văn H số tiền còn nợ hui là 87.760.000 đồng.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án

3/. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H đòi bà Trần Thị T số tiền 21.640.000 đồng

4/. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Trần Thị T được miễn toàn bộ. Ông Trần Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.082.000 đồng, ông H đã nộp tiền tạm ứng án phí số tiền 2.735.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005245 ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long được chuyển thu án phí trong giai đoạn thi hành án. Ông H còn được nhận lại số tiền 1.653.000 đồng.

6/. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện PL;
- THADS huyện PL;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Thanh Liêm